

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HC-PT

Ngày: 28-4-2025

Về khiếu kiện quyết định hành
chính về việc giải quyết khiếu nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Đỗ Minh Nhựt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Bình
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLPT-HC ngày 10 tháng 02
năm 2025 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm
2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2025/QĐHC-PT
ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐ-PT
ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Khu C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tuấn N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy
quyền ngày 14/4/2025) – vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L.

Địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tất Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban
nhân dân thị trấn L – vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thị trấn L.

Địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hồng H – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tất Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị X đang quản lý sử dụng diện tích đất 1.253 m² có số thửa 09, tờ bản đồ số 82, địa chỉ tại tổ 35, khu C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nguồn gốc đất là do bà X tự khai phá và cất nhà ở trên đất từ năm 1968 đến nay. Ban đầu đây là đất gò, địa thế cao nên người dân địa phương chôn cất người đã khuất ở đây, đến lúc giải phóng năm 1975 thì còn khoảng 20 cái mồ mả. Sau giải phóng, chính quyền địa phương không cho người dân sử dụng đất đó để chôn cất nữa và kêu gọi di dời. Sau đó, không ai chôn cất ở đó nữa. Những ngôi mộ đó đã được di dời xong từ tháng 4 năm 2022. Hiện nay trên đất không còn ngôi mộ nào. Việc di dời do thân nhân của những người đã khuất thực hiện.

Khoảng năm 2018, bà X ủy quyền cho bà T đến Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thị trấn L nộp đơn xin đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ), được tiếp nhận nhưng không thấy giải quyết. Sau đó, bà X làm đơn khiếu nại cán bộ địa chính ở UBND thị trấn (bà T không nhớ rõ gửi đơn khiếu nại đến cơ quan nào), sau đó cán bộ địa chính nói bà X rút đơn khởi kiện đi thì sẽ giải quyết cho bà. Bà X rút đơn khởi kiện nhưng hồ sơ vẫn không được giải quyết, bà Xuân đến UBND thị trấn hỏi thì được trả lời là hồ sơ bị thất lạc. Việc tiếp nhận hồ sơ không được làm biên nhận, và việc không giải quyết hồ sơ cũng trả lời miệng chứ không làm văn bản.

Năm 2021, bà X lại ủy quyền cho bà T đến UBND thị trấn L nộp đơn xin đo đạc. Cán bộ địa chính nhìn thấy đơn, thấy số tờ số thửa trên đơn liền nói đây là đất nghĩa địa, kêu bà T đem đơn về. Sau đó, bà T làm đơn khiếu nại gửi nhiều nơi như: Thanh tra tỉnh, Thanh tra huyện, UBND tỉnh, UBND huyện, UBND thị trấn L. Sau đó bà T nhận được công văn trả lời là phải khiếu nại ở UBND thị trấn. Lúc đó cán bộ địa chính UBND thị trấn tại thời điểm đó gọi bà T nói với bà T là “Nhà bà X cứ ở trên đất đi, vài năm sau chính sách thay đổi nếu làm GCNQSDĐ được thì làm”, rồi cho bà T xem bản photo sổ mục kê năm 2011, trên đó thể hiện diện tích đất bà X đang quản lý, sử dụng là đất nghĩa địa rồi thuyết phục bà T rút hồ sơ khiếu nại nên bà T đã rút hồ sơ khiếu nại.

Đến năm 2022, bà X lại ủy quyền cho bà T đi làm thủ tục đăng ký cấp GCNQSDĐ cho bà. Bà T có đến bộ phận một cửa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh L để nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy nhưng ở bộ phận một cửa hướng dẫn bà T về UBND thị trấn nộp đơn đề nghị đo đạc trước. Sau

đó lại đến UBND thị trấn đề nộp đơn xin đo đạc, cán bộ địa chính nhận đơn xin đo đạc và không làm biên nhận. Khoảng 01 tháng sau, cán bộ địa chính trả lời miệng là “Không được” rồi trả lại đơn cho bà T.

Sau đó, bà X nộp đơn khiếu nại UBND thị trấn về hành vi không tiếp nhận đơn xin đo đạc. UBND thị trấn ban hành Văn bản số 100/UBND ngày 31/5/2022 về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị X.

Bà Nguyễn Thị X đã khởi kiện Văn bản số 100/UBND ngày 31/5/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Đến ngày 17/7/2023, UBND thị trấn L ban hành văn bản số 44/TB-UBND ngày 17/7/2023 thu hồi Văn bản số 100/UBND ngày 31/5/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Sau đó, bà X đã rút đơn khởi kiện vụ án hành chính và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau đó, vào ngày 26/7/2023, bà Nguyễn Thị X lại ủy quyền cho bà T đến UBND thị trấn L nộp đơn xin đo đạc đề nghị UBND thị trấn L xác nhận bà Nguyễn Thị X là người đang quản lý, sử dụng diện tích đất 1.253m² thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82, địa chỉ tại tổ 35, khu C thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai, để bà X ký hợp đồng đo đạc và làm thủ tục đăng ký cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này.

Ngày 28/7/2023, cán bộ địa chính ở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gọi bà T đến lấy kết quả. Khi bà T đến thì được cán bộ địa chính giao cho 01 Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ số 01/BPTNKQ ngày 26/7/2023. Theo đó thể hiện lý do không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ là: “Căn cứ sổ mục kê đất đai thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai ban hành ngày 11/10/2011 thì thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82, thị trấn L có mục đích sử dụng là NTD (đất nghĩa trang, nghĩa địa thuộc đất công)”.

Sau đó, bà Xuân khiếu nại UBND thị trấn L về việc không giải quyết hồ sơ đề nghị đo đạc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82, thị trấn L. Đến ngày 31/10/2023, Chủ tịch UBND thị trấn L hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị X.

Nhận thấy, Quyết định này đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà X, nên bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên với những căn cứ sau:

- Việc Chủ tịch UBND thị trấn L ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 là chưa phù hợp, chưa đúng trình tự, thủ tục nhằm đảm bảo thành phần hồ sơ để xét cấp GCNQSDĐ. Bởi lẽ, toàn bộ diện tích đất tại thửa số 9, tờ bản đồ số 82 do bà X là người trực tiếp sinh sống trên đất và quản lý sử dụng, không bị hạn chế quyền sử dụng đất ở bất kỳ một quyết định, một văn bản nào của Nhà nước, không nằm trong diện đất công, bản đồ hiện trạng thửa đất số 470/2023 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh L thực hiện cũng thể hiện rất rõ là đất được quy hoạch chi tiết thửa số 9, tờ bản đồ số 82, diện tích đất 1.253 m² là loại đất ODT+CLN.

- Thẩm quyền xem xét cấp GCNQSDĐ lần đầu là thẩm quyền của UBND huyện, do Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét trình tự thành phần hồ sơ thủ tục chuyển giao tham mưu UBND huyện cấp GCNQSDĐ.

- Việc xác nhận bà X có đang sử dụng thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82, đồng thời xác nhận bà X có phải là người địa phương hay không là trách nhiệm của UBND thị trấn để bà X ký hợp đồng đo đạc với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh L đo đạc, và đây là cơ sở ban đầu, chưa liên quan gì đến việc cấp GCNQSDĐ.

- Việc thực hiện đo đạc, xác nhận quy hoạch sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất là trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai.

- Tại Quyết định công bố quy hoạch số 4628/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 và gần đây là Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai có quy hoạch chi tiết thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82, diện tích 1.253 m² loại đất ODT + CLN.

Từ những cơ sở trên, bà X cho rằng việc Chủ tịch UBND thị trấn L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, nên bà yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định này.

** Trong quá trình tố tụng, người bị kiện Chủ tịch UBND thị trấn L có ý kiến trình bày:*

Ngày 26/7/2023 bà Nguyễn Thị X ủy quyền cho bà Đoàn Thị Thu T nộp đơn xin đo đạc đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 09 thị trấn L. Ngoài đơn đề nghị, bà T không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh nguồn gốc sử dụng đất làm cơ sở cho việc cấp giấy.

Việc UBND thị trấn L từ chối tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của bà X được thực hiện bằng “Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ” số 01/BPTNTKQ ngày 26/7/2023. Căn cứ pháp lý: căn cứ vào Sổ mục kê đất đai thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai ban hành ngày 11/10/2011, thửa đất số 09, tờ bản đồ số 09, tờ bản đồ số 82 thị trấn L có mục đích sử dụng là NTD (đất nghĩa trang, nghĩa địa thuộc đất công).

Sau đó bà Nguyễn Thị X đã khiếu nại hành vi từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ. Ngày 11/8/2023, Chủ tịch UBND thị trấn L đã ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 23/10/2023, UBND thị trấn L tổ chức đối thoại với người khiếu nại và báo kết quả xác minh cho bà Đoàn Thị Thu T biết.

Ngày 31/10/2023, Chủ tịch UBND thị trấn L đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị X. Nội dung quyết định: Không công nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại.

Căn cứ ban hành Quyết định:

- Bản đồ địa chính tờ số 29-3 (82) đo vẽ tháng 7/1998 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt ngày 17/3/2022, loại đất theo bản đồ địa chính của thửa số 09 là ND.

- Bản đồ địa chính tờ số 82 thành lập năm 1998 chỉnh sửa sau đăng ký năm 2006, loại đất theo bản đồ địa chính của thửa số 09 là ND.

- Sổ mục kê do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai lập ngày 11/10/2011 ghi nhận thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82, mục đích sử dụng là NTD.

- Ngoài ra, ngày 08/3/2022 UBND thị trấn L phối hợp cùng đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành, Đại diện VPĐK đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh L; Đại diện UBND thị trấn L; các chủ sử dụng đất lâu năm tại vị trí nơi có thửa số 09, tờ bản đồ số 82, tiến hành làm việc, ghi nhận ý kiến, xác minh nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất của bà Nguyễn Thị X tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82. Kết quả ghi nhận: Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82 có nguồn gốc đất là đất nghĩa địa, không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ.

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND thị trấn L không đồng ý với yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị X.

3. Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn L có ý kiến trình bày:

UBND thị trấn L thống nhất với lời trình bày của Chủ tịch UBND thị trấn L. UBND thị trấn L cho rằng hành vi không xác nhận bà Nguyễn Thị X đang quản lý sử dụng diện tích đất 1.253m² thuộc thửa đất số 09 tờ bản đồ số 82 thị trấn L là đúng quy định pháp luật, dựa trên những tài liệu, hồ sơ về đất đai được lưu trữ tại UBND thị trấn L thì đây là đất nghĩa địa thuộc đất công, do UBND thị trấn quản lý.

- * Tại bản án sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân thị trấn L đã tuyên xử bác yêu cầu của khởi kiện tuyên hủy Quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại của người khởi kiện bà Nguyễn Thị X đối với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L. Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

- * Tại đơn kháng cáo đề ngày 30/9/2024, bà Nguyễn Thị X đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X do cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án chỉ dựa vào một số chứng cứ do Chủ tịch UBND thị trấn L cung cấp có dấu hiệu dàn dựng, không khách quan, đây là chứng cứ quan trọng để làm sáng tỏ nguồn gốc đất, thời gian sinh sống và quản lý sử dụng đất của người khởi kiện, trong khi người bị kiện vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- * Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chủ tịch UBND thị trấn L không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của người khởi kiện nên kháng cáo vẫn được theo quy định điểm a khoản 1 Điều 234 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về hành vi hành chính và tính hợp pháp của hành vi hành chính có liên quan Quyết định giải quyết khiếu nại bị khởi kiện: Theo các tài liệu, chứng cứ do người bị kiện cung cấp và Tòa án thu thập được thể hiện diện tích đất 1.253 m² có số thửa 09, tờ bản đồ số 82, địa chỉ tại tổ 35, khu C thị trấn L, huyện T có nguồn gốc là đất nghĩa địa, đất công nên UBND thị trấn L không xác nhận.

- Về tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khởi kiện.

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Được thực hiện phù hợp với quy định tại Điều 17 Luật Khiếu nại 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011. Về thời hạn giải quyết khiếu nại là vượt quá thời hạn quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại 2011, tuy nhiên vi phạm này không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết khiếu nại.

Về nội dung: Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị trấn L giải quyết khiếu nại đối với hành vi hành chính của UBND thị trấn L. Hành vi hành chính của UBND thị trấn L là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật nên Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị trấn L không công nhận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị X đối với hành vi hành chính của UBND thị trấn L là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo: Người khởi kiện gửi đơn kháng cáo trong thời hạn và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và người tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[1.3] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 255 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Ngày 17/4/2025, Tòa án nhận được Đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị X. Ngày 22/4/2025, Tòa án ban

hành Thông báo số 523/TB-TA về việc người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện cho người bị kiện. Tại văn bản số 145/UBND ngày 26/4/2025, người bị kiện có ý kiến không đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 234 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của người khởi kiện và tiếp tục xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo:

[2.1] Diễn biến hành vi hành chính và tính hợp pháp của hành vi hành chính có liên quan Quyết định giải quyết khiếu nại bị khởi kiện:

Ngày 26/7/2023, bà Nguyễn Thị X nộp đơn xin đo đạc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thị trấn L để yêu cầu UBND thị trấn L xác nhận việc bà X đang quản lý, sử dụng thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82 thị trấn L vào đơn xin đo đạc. Mục đích xin xác nhận là để bà X ký kết hợp đồng đo đạc lập bản vẽ nhằm đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất. UBND thị trấn L đã có hành vi không thực hiện xác nhận theo yêu cầu của bà X, thể hiện bằng “Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ” của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, với lý do: “Căn cứ sổ mục kê đất đai thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai ban hành ngày 11/10/2011 thì thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82, thị trấn L có mục đích sử dụng là NTD (đất nghĩa trang, nghĩa địa thuộc đất công)”.

Theo hồ sơ, tài liệu lưu giữ tại UBND thị trấn L, thể hiện: Bản đồ địa chính tờ số 29-3 (82) đo vẽ tháng 7/1998 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt ngày 17/3/2002, loại đất theo bản đồ địa chính của thửa số 09 là NĐ; Bản đồ địa chính tờ số 82 thành lập năm 1998 chỉnh sửa sau đăng ký năm 2006, loại đất theo bản đồ địa chính của thửa số 09 là NĐ; Sổ mục kê do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai lập ngày 11/10/2011 ghi nhận thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82, mục đích sử dụng là NTD. Ngoài ra, ngày 08/3/2022 UBND thị trấn L phối hợp cùng đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, VPĐK đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh L, UBND thị trấn L và các chủ sử dụng đất lâu năm tại vị trí nơi có thửa số 09, tờ bản đồ số 82, tiến hành làm việc, ghi nhận ý kiến, xác minh nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất của bà Nguyễn Thị X tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82, kết quả ghi nhận thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82 có nguồn gốc đất là đất nghĩa địa, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ người khởi kiện cung cấp và thông tin tại bản đồ hiện trạng thửa đất số 2343/2024 ngày 25/4/2024 thì thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82 thị trấn Long Thành theo bản đồ địa chính thị trấn L, huyện T đo vẽ tháng 7/1998 được Trung tâm kỹ thuật địa chính nhà đất Đồng Nai biên vẽ và đo chỉnh lý biến động hoàn thành tháng 6 năm 2016 là đất ODT+CLN.

Theo quy định tại Điều 11 Luật đất đai năm 2013 và Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T là cơ quan có thẩm quyền xác định về loại đất. Tại văn bản số 7204/UBND-NC

ngày 25/6/2024, Ủy ban nhân dân huyện T đã căn cứ vào khoản 2 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP “2. *Trường hợp sử dụng đất do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất.*”, xác định thửa đất số 09 tờ bản đồ số 82 thị trấn L có nguồn gốc là đất nghĩa địa; căn cứ khoản 2 Điều 7 Luật đất đai năm 2013 thì đất thuộc sự quản lý của UBND thị trấn L. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện người khởi kiện cũng khai nhận khi bà X đến ở trên thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82 thị trấn L thì hiện trạng đất là đất gò, có nhiều mồ mả, người dân địa phương chôn cất người đã khuất ở đây. Lời khai này của người khởi kiện là phù hợp với lời khai của những người dân sống lâu năm tại vị trí đất về việc đất có nguồn gốc là nghĩa địa. Tại thời điểm UBND thị trấn L xuống thực địa để xác minh và chụp ảnh vào tháng 3 năm 2022 thì trên đất còn tồn tại 06 ngôi mộ. Theo lời bà T trình bày thì đến thời điểm tháng 4 năm 2022 những ngôi mộ mới được di dời. Do đó, lời trình bày của UBND thị trấn L và ý kiến cung cấp thông tin của UBND huyện T xác định đây là đất nghĩa địa và lý do có sự khác biệt về loại đất trên tờ bản đồ địa chính thị trấn L, huyện T do vẽ tháng 7/1998 được Trung tâm kỹ thuật địa chính nhà đất Đồng Nai biên vẽ và đo chỉnh lý biến động hoàn thành tháng 6 năm 2016 là do “đơn vị thi công thực hiện đo vẽ có sai sót do không nhìn thấy mộ và không rà soát kỹ hiện trạng” là có cơ sở.

Các Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do người khởi kiện cung cấp không ghi số tờ, số thửa đất. UBND thị trấn L cung cấp tài liệu thể hiện biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do bà Nguyễn Thị X giao nộp là đóng cho các thửa 39, 25 tờ bản đồ số 75 thị trấn L. Mã số thuế trên biên lai của bà Nguyễn Thị X nộp là 3600676268 trùng khớp với mã số thuế trên sổ bộ thuế của UBND thị trấn L. Tuy nhiên, trên sổ bộ thuế của UBND thị trấn L thể hiện tên người nộp thuế là bà Trần Thị X, qua xác minh tại Chi cục thuế khu vực Long Thành – Nhơn Trạch thì mã số thuế 3600676268 được cấp cho bà Trần Thị X. Đây là thiếu sót, nhầm lẫn của UBND thị trấn L trong việc xác định người nộp thuế. Theo kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm tại Chi cục thuế khu vực Long Thành – Nhơn Trạch thì thửa đất số 09 tờ bản đồ số 82 không có thông tin trên sổ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Đối với các văn bản xác nhận của công an huyện, công an thị trấn L bà X có thường trú tại Tổ 35, khu C, thị trấn L, nhưng trên văn bản không xác định được nơi thường trú của bà X có phải tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 82 hay không. Tòa án cấp sơ thẩm và đại diện chính quyền địa phương đã đến nơi đăng ký thường trú của bà Xuân tại tổ 35, khu C và cán bộ địa chính xác nhận nơi đăng ký thường trú của bà X thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 82 thị trấn L.

Như vậy, việc UBND thị trấn L dựa vào những thông tin, tài liệu về quản lý đất đai tại địa phương, không thực hiện hành vi xác nhận bà Nguyễn Thị X là người đang quản lý, sử dụng đất được thể hiện bằng Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khởi kiện.

[2.2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Ngày 03/8/2023, UBND thị trấn L nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị X, ngày 06/8/2023, UBND thị trấn L có thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Sau đó, UBND thị trấn L ban hành Quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức xác minh khiếu nại của UBND thị trấn L lập biên bản làm việc về việc xác minh nội dung khiếu nại. Sau khi có kết quả xác minh nội dung khiếu nại, UBND thị trấn L đã tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Ngày 31/10/2023, Chủ tịch UBND thị trấn L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị X. Như vậy trình tự, thủ tục ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị trấn L là phù hợp với quy định tại Điều 17 Luật Khiếu nại 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011. Về thời hạn giải quyết khiếu nại là vượt quá thời hạn quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại 2011, tuy nhiên vi phạm này không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết khiếu nại.

[2.2.2] Về nội dung: Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị trấn L giải quyết khiếu nại đối với hành vi hành chính của UBND thị trấn L. Như đã phân tích và nhận định ở trên, hành vi hành chính của UBND thị trấn L là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị trấn L không công nhận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị X đối với hành vi hành chính của UBND thị trấn L là có căn cứ.

Tại phần kết quả xác minh nội dung khiếu nại, Chủ tịch UBND thị trấn L có viện dẫn quy định tại khoản 5, Điều 19, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để nhận định bà X không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND thị trấn L từ chối tiếp nhận giải quyết là chưa phù hợp vì bà X không nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ, mà chỉ nộp đơn xin xác nhận hiện trạng quản lý, sử dụng đất, việc xét đủ điều kiện hay không đủ điều kiện sử dụng đất sẽ do cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật khi xét hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, sai sót này không ảnh hưởng đến bản chất kết quả giải quyết khiếu nại.

Từ nhận định trên thấy rằng cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà X là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị X phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc là 2.799.000 đồng. Bà X đã nộp xong.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 26/2024/QĐ-TA ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Căn cứ Luật Khiếu nại 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011; các Điều 23, khoản 2 Điều 7, Điều 11 của Luật Đất đai 2013; Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về công tác văn thư; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thủ tục hành chính; Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng chính phủ Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện tuyên hủy Quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại của người khởi kiện bà Nguyễn Thị X (Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 31/10/2023) đối với người bị kiện Chủ tịch UBND thị trấn L.
2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị X phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, do đặc là 2.799.000 đồng. Bà X đã nộp xong.
3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Long Thành;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Hưng